

**BÁO CÁO TÓM TẮT**  
**Tình hình kinh tế - xã hội năm 2024**  
**và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025**

**A. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024**

**I. Bối cảnh tình hình**

Năm 2024 là năm tăng tốc, bứt phá, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Tình hình thế giới tiếp tục biến động nhanh, phức tạp. Kinh tế trong nước tiếp tục chịu “tác động kép” từ các yếu tố tiêu cực bên ngoài và những hạn chế, bất cập nội tại kéo dài nhiều năm. Khó khăn, thách thức trong công tác chỉ đạo điều hành còn rất lớn, phải thực hiện tốt các nhiệm vụ thường xuyên ngày càng nhiều, yêu cầu, đòi hỏi ngày càng cao; vừa phải tập trung xử lý các vấn đề tồn đọng kéo dài và kịp thời ứng phó với những vấn đề cấp bách, mới phát sinh.

**II. Kết quả đạt được**

Với quyết tâm cao trong chỉ đạo và điều hành, UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định, Chương trình hành động về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024.

Trong 22 chỉ tiêu chủ yếu theo Nghị quyết số 17-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết số 21/NQ-HĐND của HĐND tỉnh đề ra, đánh giá ước thực hiện có 05 chỉ tiêu vượt (Tốc độ tăng trưởng kinh tế, GRDP bình quân đầu người, Kim ngạch xuất khẩu, Lao động được giải quyết việc làm, Số bác sĩ/vạn dân), 14 chỉ tiêu đạt kế hoạch và 03 chỉ tiêu không đạt kế hoạch (Thu ngân sách nhà nước, thu hút đầu tư, số xã nông thôn mới tăng thêm trong năm).

(Kèm theo Biểu kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu).

Kết quả thực hiện các nhiệm vụ cụ thể như sau:

**1. Triển khai Quy hoạch tỉnh và tiếp tục cơ cấu lại các ngành kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh**

**a) Về triển khai quy hoạch tỉnh**

Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023; phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24/10/2024. Sau khi được phê duyệt, UBND tỉnh đã tổ chức đăng tải thường xuyên, liên tục công khai nội dung của quy hoạch tỉnh trên cổng thông tin điện tử của cơ quan tổ chức lập quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch nhằm cung cấp kịp thời những thông tin về quy hoạch; giới thiệu quảng bá tiềm năng, lợi thế, các dự

án ưu tiên của tỉnh. Đồng thời ban hành Công văn số 4012/UBND-TH ngày 02/10/2024 về việc triển khai thực hiện quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Công văn số 4743/UBND-TH ngày 14/11/2024 triển khai thực hiện Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hiện nay, đã xây dựng dự thảo kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh và đang lấy ý kiến góp ý để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

b) Tốc độ tăng trưởng kinh tế: Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh năm 2024 ước tăng 8,7% so với năm 2023, vượt kế hoạch đề ra. Cơ cấu kinh tế ước đến hết năm 2024 chuyển dịch tích cực, đúng hướng, tỷ trọng ngành công nghiệp – xây dựng đã dịch chuyển tăng, chiếm tỷ trọng 45,96%, ngành Nông lâm nghiệp và thủy sản có sự chuyển dịch giảm, chiếm 22,98%, dịch vụ chiếm 31,06%. GRDP bình quân đầu người ước đạt 108,40 triệu đồng, tăng 13,4% so với năm 2023.

c) Tình hình sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới

Sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định, diện tích gieo trồng cây hàng năm ước đạt 23.916 ha, đạt 98,6% kế hoạch năm. Công tác bảo vệ thực vật tiếp tục được quan tâm nên thiệt hại do sâu bệnh ở mức độ nhẹ, ảnh hưởng không đáng kể đến sinh trưởng và phát triển các loại cây trồng.

Chăn nuôi ngày càng khẳng định được vị thế và phát triển mạnh mẽ theo đúng quy hoạch và định hướng; chăn nuôi nhỏ lẻ đang dần được thu hẹp. Các loại dịch bệnh gia súc gia cầm nguy hiểm không xảy ra.

Về xây dựng nông thôn mới: Lũy kế đến hết năm số xã đạt chuẩn nông thôn mới ước đạt 73 xã, đạt tỷ lệ 84,88%. Đối với xã nông thôn mới nâng cao ước đạt 23 xã. Có 03 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; có 02 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới đang hoàn thiện hồ sơ trình Trung ương thẩm định công nhận.

d) Tình hình sản xuất công nghiệp

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 12/13 KCN đã thu hút đầu tư và 01 cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động.

Sản xuất công nghiệp tiếp tục phát triển và duy trì tốc độ tăng trưởng cao, chỉ số sản xuất ngành công nghiệp toàn tỉnh (IIP) ước tăng 17,49% so với năm 2023; qua đó góp phần quan trọng trong tăng trưởng kinh tế chung của tỉnh.

đ) Lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch

Hoạt động thương mại dịch vụ tăng mạnh, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tỉnh ước thực hiện năm 2024 đạt 83.567 tỷ đồng, tăng 7,4% so với năm 2023.

Kim ngạch xuất khẩu năm 2024 ước đạt 04 tỷ 600 triệu USD, đạt 100,88% kế hoạch năm. Kim ngạch nhập khẩu ước đạt 02 tỷ 900 triệu USD, tăng 11,5% so với năm 2023.

Hoạt động du lịch nội địa với lượng khách tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước. Tổng số lượt khách tham quan trong năm 2024 ước đạt 1.448.740 lượt



khách (đạt 116,4% kế hoạch năm). Tổng doanh thu du lịch ước đạt 1.264 tỷ đồng (đạt 156,26% kế hoạch năm).

## **2. Tập trung đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là các dự án giao thông kết nối liên vùng, hạ tầng đô thị, hạ tầng chuyển đổi số**

### **a) Về hạ tầng giao thông**

Đến nay toàn tỉnh đã có hơn 2.855 tuyến đường, với tổng chiều dài là 9.110 km, trong đó các tuyến giao thông huyết mạch và các tuyến đường tỉnh, đường huyện, đường liên xã đã được nhựa hóa gần 100%.

Phân đầu hoàn thành việc lập, thẩm định, phê duyệt 02 dự án đường cao tốc để khởi công trong năm 2025.

### **b) Hạ tầng đô thị**

Tỉnh đang tích cực triển khai thực hiện các Đề án chuyên đề giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 về phát triển đô thị tỉnh. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 01 đô thị loại III, 03 đô thị loại IV, 07 đô thị loại V; tỷ lệ đô thị hoá của tỉnh năm 2024 ước đạt 41% (Cả nước ước đạt 43,7%). Tỷ lệ cư dân đô thị đang sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung năm 2024 đạt khoảng 75,31%; diện tích sàn nhà ở bình quân trên địa bàn tỉnh đến hết năm 2024 ước đạt 26,4 m<sup>2</sup>/người.

### **c) Hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi số**

Hoạt động bưu chính, viễn thông, internet và tần số vô tuyến điện tiếp tục phát triển cả về số lượng và chất lượng, hình thành hạ tầng số tạo nền tảng thiết yếu để phát triển chính quyền số, xã hội số và kinh tế số.

Các ngành, địa phương đã đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng các nền tảng số trong quản lý điều hành, phát triển cơ sở dữ liệu của ngành, địa phương; duy trì hoạt động hệ thống thực hiện giám sát an toàn, an ninh mạng; hoàn thành xây dựng trung tâm điều hành thông minh tỉnh và 10 trung tâm cấp huyện giúp thuận tiện trong việc giám sát, chỉ đạo, điều hành.

Kết quả chuyển đổi số của tỉnh, Bộ Chỉ số phục vụ cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công năm 2023 xếp hạng 04/63 tỉnh, thành phố. Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP năm 2024 ước đạt 10%. Bình Phước đạt giải Chính quyền số xuất sắc ASOCIO 2024.

## **3. Thực hiện quyết liệt công tác thu ngân sách và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công**

a) Công tác thu ngân sách nhà nước năm 2024 của tỉnh gặp nhiều khó khăn; ước thực hiện năm 2024 là 10.214 tỷ đồng, bằng 83,3% so với năm 2023 và đạt 80,2% kế hoạch năm. Tổng chi ngân sách nhà nước ước thực hiện năm 2024 là 14.153 tỷ đồng, tăng 0,6% so với năm 2023 và đạt 100% kế hoạch.

b) Huy động vốn đầu tư toàn xã hội ước thực hiện cả năm 2024 là 38.500 tỷ đồng, tăng 15,65% so với năm 2023, đạt 100% kế hoạch. Về đầu tư công, ước thực hiện cả năm 2024 giải ngân đạt 95% so với kế hoạch điều chỉnh.

c) Hoạt động ngân hàng ổn định, đảm bảo khả năng thanh khoản, đáp ứng

nhu cầu vốn tín dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn. Tỷ lệ nợ xấu ước khoảng 1,7% (đảm bảo tỷ lệ an toàn cho phép là dưới 3%).

#### **4. Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh**

a) Về cải cách hành chính: Đã được tổ chức triển khai, lồng ghép trong các Kế hoạch liên quan cải cách hành chính tại địa phương. Đã hoàn thiện hồ sơ Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 báo cáo Bộ Nội vụ.

Kết quả đánh giá các chỉ số của tỉnh: Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2023 tăng 1,16 điểm, đứng thứ 49/63 tỉnh thành. Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) năm 2023 tăng 18 bậc so với năm 2022, đứng thứ 21/63 tỉnh, thành phố. Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh (SIPAS) năm 2023 đạt 76,08% (tăng 0,03 điểm % so với năm 2022). Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2023 của tỉnh đạt 39,953/80 điểm (tăng 0,018 điểm) đứng thứ 57/63 tỉnh, thành phố. Chỉ số đổi mới sáng tạo (PII) năm 2023 của tỉnh đạt 35,85 điểm, đứng thứ 34/63 tỉnh, thành phố.

b) Thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp và phát triển hợp tác xã

Thu hút đầu tư trong nước năm 2024 ước đạt 01 dự án, số vốn thu hút là 3.900 tỷ đồng, đạt 55,71% kế hoạch năm.

Thu hút đầu tư nước ngoài năm 2024 ước đạt 30 dự án, số vốn thu hút là 500 triệu USD, đạt 125% kế hoạch năm.

Số doanh nghiệp thành lập mới trong năm ước đạt 1.100 doanh nghiệp, đạt 100% kế hoạch năm.

Số hợp tác xã ước thành lập mới trong năm là 30 hợp tác xã, đạt 100% kế hoạch năm.

Trong năm đã tổ chức Đoàn công tác xúc tiến, hợp tác đầu tư nước ngoài. Thường xuyên tổ chức gặp gỡ các doanh nghiệp và phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ phản ứng nhanh để nắm bắt, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

#### **5. Thực hiện đồng bộ các chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với đẩy mạnh nghiên cứu phát triển ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, phong trào khởi nghiệp**

a) Về giáo dục và đào tạo

Công tác dạy và học đã được triển khai thực hiện đúng theo chương trình, kế hoạch năm học đề ra. Chất lượng giáo dục của học sinh toàn tỉnh tiếp tục ổn định và nâng cao. Ước đến hết năm 2024 toàn tỉnh có 225/390 trường đạt chuẩn, chiếm tỉ lệ 57,69%, đạt kế hoạch đề ra.

Tỉnh đã ký kết thỏa thuận với Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh thành lập phân hiệu của trường tại tỉnh, đây là cơ sở giáo dục đại học đầu tiên của tỉnh.



b) Giải quyết việc làm, đào tạo nghề và phát triển nguồn nhân lực

Công tác giải quyết việc làm, năm 2024 ước giải quyết việc làm cho 46.000 lao động, đạt 107% kế hoạch năm. Kết quả đào tạo nghề, ước cả năm đào tạo nghề cho 12.000 lao động, đạt 100% kế hoạch năm; ước đến hết năm tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 67%, tăng 2 điểm % so với năm 2023. Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội ước đạt 42%, đạt 100% kế hoạch năm. Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị tiếp tục được duy trì dưới 3%, đạt kế hoạch đề ra. Thu hút lao động ngoại tỉnh ước cả năm đạt 10.000 lao động, đạt 100% kế hoạch năm.

c) Về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo

Công tác nghiên cứu, ứng dụng các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở được tiến hành đúng theo trình tự, nội dung đề xuất và phê duyệt của UBND tỉnh.

Tổ chức Hội nghị triển khai Chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương; hoàn thành việc cung cấp thông tin, số liệu và tài liệu minh chứng của tỉnh Bình Phước để phục vụ tính toán chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2024.

**6. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo đảm gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội và nâng cao đời sống nhân dân**

a) Văn hóa, thể dục, thể thao

Đã triển khai thực hiện Kế hoạch số 171/KH-UBND ngày 14/5/2024 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 20/11/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Bình Phước đến năm 2030, định hướng đến năm 2045.

Hoạt động văn hóa, nghệ thuật biểu diễn: Đã tổ chức các hoạt động thông tin tuyên truyền, cổ động trực quan nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, phục vụ nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Các hoạt động văn nghệ quần chúng, các chương trình nghệ thuật biểu diễn, ngày hội sách được tổ chức bài bản, đáp ứng nhu cầu thụ hưởng của người dân trong tỉnh. Chất lượng Cuộc vận động “Người Bình Phước nói lời hay làm việc tốt” được nâng cao và được triển khai rộng rãi.

Hoạt động thể dục – thể thao: Đội tuyển thể thao tỉnh tham dự 63 giải thể thao cấp khu vực, toàn quốc và quốc tế, kết quả đạt 56 HCV, 74 HCB, 102 HCD. Câu lạc bộ bóng đá chuyên nghiệp Trường Tươi Bình Phước đã xuất sắc giành giải Ba giải hạng nhất Quốc gia năm 2023-2024.

b) An sinh xã hội, giảm nghèo

Chế độ chính sách cho người có công được đảm bảo đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng. Các chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ hộ nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội, người lao động khó khăn luôn được các cấp, các ngành quan tâm.

Công tác giảm nghèo được triển khai đồng bộ, có sự đổi mới, sáng tạo trong phương pháp lãnh đạo, điều hành; chính sách giảm nghèo ngày càng thiết thực, hiệu quả.

c) Y tế

Công tác mạng lưới y tế, biên chế, đào tạo cán bộ, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị tiếp tục thực hiện theo quy định; cơ bản đã đảm bảo đầy đủ thuốc và vật tư y tế phục vụ cho công tác khám chữa bệnh.

Kết quả ước thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của ngành y tế năm 2024: Số giường bệnh/vận dân ước đạt 28,6 giường (đạt kế hoạch đề ra); số bác sỹ/vận dân 9,7 bác sỹ (vượt kế hoạch đề ra, kế hoạch đề ra là 8,6 bác sỹ); tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng đạt dưới 10% (đạt kế hoạch đề ra); tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 94% (đạt kế hoạch đề ra).

d) Công tác dân tộc, tôn giáo

Công tác dân tộc được đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện tốt.

Chính quyền các cấp đã quan tâm hướng dẫn, tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo tổ chức sinh hoạt tôn giáo tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Thường xuyên trao đổi, thăm hỏi, động viên các tổ chức, cá nhân tôn giáo nhân dịp các ngày lễ tết, lễ trọng của các tôn giáo.

**7. Tăng cường công tác quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu**

Công tác quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên, khoáng sản được thực hiện đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn công nghiệp của tỉnh hiện đạt 95% lượng chất thải phát sinh, chất thải nguy hại đạt 99%; tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường đạt 18%.

**8. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển; đẩy mạnh công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

a) Công tác xây dựng, tổ chức thực hiện pháp luật và cải cách hành chính

Hoạt động tư pháp được tổ chức triển khai, lồng ghép trong các Kế hoạch liên quan về công tác tư pháp tại địa phương; theo dõi, hướng dẫn nghiệp vụ liên quan trong các lĩnh vực tư pháp gắn với việc triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024. Công tác xây dựng, thẩm định; kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định.

b) Hoạt động thanh, kiểm tra hành chính; tiếp công dân và xử lý đơn thư

Về công tác thanh tra, 10 tháng đầu năm 2024 thực hiện 56 cuộc; đã ban hành kết luận thanh tra là 47 cuộc với tổng số 136 đơn vị được thanh tra.

Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, 10 tháng đầu năm 2024 thực hiện 1.434 cuộc thanh tra, kiểm tra.

Công tác tiếp công dân, 10 tháng đầu năm đã tiếp 7.257 lượt với 3.812 công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

Về xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh, 10 tháng đầu năm

thụ lý 1.089 đơn. Số đơn đã giải quyết 785/1.089 đơn.

**9. củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc biên giới; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế**

**a) Công tác quốc phòng - an ninh**

Tình hình quốc phòng, an ninh được giữ vững; trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo. Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh đã tổ chức Lễ giao, nhận quân năm 2024 với 1.603 thanh niên lên đường nhập ngũ đạt 100% chỉ tiêu. Tham gia diễn tập Khu vực phòng thủ Quân khu 7; tổ chức thành công diễn tập Khu vực phòng thủ năm 2024 thị xã Bình Long, thành phố Đồng Xoài, huyện Lộc Ninh; diễn tập phòng thủ dân sự thị xã Phước Long. Tình hình ngoại biên và an ninh trên tuyến biên giới được giữ vững ổn định.

Trật tự an toàn giao thông được chấn chỉnh, tai nạn giao thông giảm số người chết, hạn chế tối đa số vụ và người bị thương.

Công tác quản lý biên giới: Thường xuyên theo dõi, tiến hành kiểm tra các mốc chính, mốc phụ trên tuyến biên giới, kịp thời xử lý, ứng phó những hư hỏng do thiên tai gây ra. Phối hợp với đoàn công tác liên ngành của Trung ương tiến hành khảo sát thực địa đối với khu vực X16 (xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh) vị trí dự kiến mở cửa khẩu quốc tế theo đề nghị của Vương quốc Campuchia.

**b) Hoạt động đối ngoại**

Công tác quản lý đoàn ra, đoàn vào thực hiện đúng quy định; việc tổ chức các đoàn đi công tác nước ngoài trên địa bàn tỉnh được thực hiện nghiêm túc, tiết kiệm chi phí, hiệu quả và thiết thực; công tác đón tiếp các đoàn khách nước ngoài đến thăm, làm việc tại tỉnh được chuẩn bị chu đáo, trọng thị, đúng quy định.

**10. Đẩy mạnh thông tin truyền thông và công tác phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị**

Thực hiện định hướng các cơ quan báo chí trong và ngoài tỉnh, các đơn vị hoạt động trang Thông tin điện tử tuyên truyền theo chỉ đạo của Bộ Thông tin và Truyền thông, Tỉnh ủy và UBND tỉnh về các văn bản chỉ đạo của Trung ương; các định hướng, chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020-2025.

Công thông tin điện tử tỉnh trung bình hàng tháng có hơn 1.300 tin, bài được cập nhật; Hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin, viễn thông tại tỉnh đã được lắp đặt tại 843/843 thôn, ấp, khu phố với tổng số 1.660 cụm truyền thanh ứng dụng công nghệ mới.

**III. Đánh giá chung**

**1. Những thành tựu nổi bật**

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) năm 2024 tăng cao, ước đạt 8,7%, vượt kế hoạch đề ra (kế hoạch đề ra 8-8,5%). Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội ước thực hiện 38.500 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch đề ra, tăng 15,1% so với

năm 2023.

- Hoạt động sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định; giá trị sản xuất công nghiệp duy trì tốc độ tăng trưởng cao 14,41%, góp phần quan trọng trong tăng trưởng kinh tế chung của tỉnh. Hoạt động thương mại, dịch vụ, xuất khẩu tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước. Công tác phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã đạt kết quả khả quan.

- Lĩnh vực văn hóa - xã hội, môi trường đạt nhiều kết quả tích cực; tỉnh đã ký kết thỏa thuận với Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh để chuẩn bị thành lập phân hiệu của trường tại tỉnh. Công tác an sinh xã hội được chú trọng, đời sống người dân được cải thiện; hoạt động chăm lo cho các đối tượng chính sách, khó khăn, người nghèo, người lao động được triển khai kịp thời, hiệu quả.

- Công tác chuyển đổi số của tỉnh tiếp tục được đẩy mạnh, Bộ Chỉ số phục vụ cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công năm 2023 xếp hạng 04/63 tỉnh, thành phố. Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP ước năm 2024 đạt 10%. Bình Phước đạt giải Chính quyền số xuất sắc ASOCIO 2024.

- Tình hình quốc phòng, an ninh được giữ vững; trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm; trật tự an toàn giao thông được đảm bảo, tai nạn giao thông giảm trên cả ba tiêu chí (số người chết, số vụ và số người bị thương). Công tác thông tin truyền thông, đối ngoại được mở rộng; tăng cường công tác kết nối, mở rộng mối quan hệ hữu nghị hợp tác với các đối tác, địa phương tại Trung Quốc, Singapore.

## **2. Hạn chế, khó khăn**

- Mặc dù Luật Đất đai 2024, Luật Nhà ở 2023, Luật Kinh doanh bất động sản 2023 đã có hiệu lực thi hành nhưng hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành vẫn chưa đầy đủ, đồng bộ; một số điểm nghẽn chưa được tháo gỡ như vướng quy hoạch bỏ xít, chỉ tiêu đất phát triển công nghiệp, dẫn đến một số dự án vướng mắc vẫn chưa có hướng tháo gỡ.

- Tình hình thu hút đầu tư trong nước trên địa bàn tỉnh chưa đạt kế hoạch đề ra, ước cả năm chỉ đạt 55,71% kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu là do doanh nghiệp thật sự gặp rất nhiều khó khăn, nhà đầu tư còn nhiều lo lắng, ngại trong việc đầu tư trước tình hình kinh tế thế giới và trong nước còn tiếp tục biến động khó lường.

- Thu ngân sách ước thực hiện không đạt dự toán đề ra, đặc biệt là các khoản thu về đất (thu từ bán đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất không thông qua bán đấu giá và thu tiền thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê) đạt thấp, không đạt kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chủ yếu do thị trường bất động sản trầm lắng; một số vướng mắc trong triển khai thực hiện như chưa giải phóng mặt bằng, chậm phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2024, chậm phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 nên các dự án chưa đấu giá được, ảnh hưởng đến nguồn thu sử dụng đất.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học mặc dù được quan tâm đầu tư nhưng



vẫn còn thiếu và chưa đồng bộ; còn tình trạng thiếu hụt đội ngũ giáo viên ở một số địa phương. Chỉ tiêu giường bệnh không tăng và chỉ ở mức duy trì từ năm 2022 đến nay (đạt 28,6 giường bệnh/vạn dân). Nguyên nhân là do nguồn ngân sách tỉnh còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu đầu tư phát triển; bên cạnh đó, việc thu hút vốn đầu tư ngoài ngân sách cho y tế giáo dục trên địa bàn tỉnh còn gặp nhiều khó khăn.

- Kết quả thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh gặp nhiều khó khăn, việc giải ngân vốn đạt thấp do một số địa phương có công trình nằm trong đất lâm phần, đất khoáng sản, vướng quy hoạch Bô-xít, tỉnh đã kiến nghị Chính phủ nhưng đến nay vẫn đang chờ giải pháp cơ chế để giải quyết khó khăn, vướng mắc.

### **3. Nguyên nhân**

#### **a) Nguyên nhân đạt được**

Kết quả đạt được nêu trên là nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy; sự ủng hộ, đồng hành và giám sát của HĐND tỉnh, MTTQVN tỉnh; sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, thống nhất, sát thực tiễn của UBND tỉnh và các cấp, các ngành; sự nỗ lực, chia sẻ, tin tưởng của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp.

#### **b) Nguyên nhân hạn chế, khó khăn**

- Nguyên nhân khách quan: Do ảnh hưởng tác động kép của tình hình kinh tế, chính trị thế giới biến động nhanh, phức tạp, khó lường; việc điều chỉnh chính sách của các nền kinh tế lớn và sự gia tăng bảo hộ thương mại của các nước nhập khẩu dẫn tới sản xuất, xuất khẩu gặp nhiều khó khăn; các quy định, cơ chế chính sách còn chồng chéo, chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện kịp thời về các vướng mắc, chồng chéo của Bộ, ngành TW; cùng với những tồn tại, yếu kém nội tại kéo dài nhiều năm.

- Nguyên nhân chủ quan: Tính chủ động trong công tác chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện ở một số cơ quan, đơn vị còn chưa cao, có lúc, có nơi còn lúng túng bị động, thiếu linh hoạt; công tác phối hợp giữa các đơn vị chưa thật sự chặt chẽ, hiệu quả và chưa kịp thời; tinh thần trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức chưa cao, trong thực hiện nhiệm vụ còn chưa quyết liệt, chưa kịp thời, thiếu nhạy bén.

## **B. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2025**

### **I. Dự báo tình hình**

Năm 2025 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, đồng thời là năm tập trung tổ chức Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV. Thế và lực của đất nước sau gần 40 năm đổi mới đã lớn mạnh cả về quy mô và sức cạnh tranh. Bên cạnh đó, khó khăn thách thức còn rất lớn, phải thực hiện tốt các nhiệm vụ thường xuyên ngày càng nhiều, yêu cầu, đòi hỏi ngày càng cao.

Trong tình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ngày càng nâng cao, năng lực, trình độ, quy mô, công nghệ sản xuất của các ngành, lĩnh vực đã dần

đáp ứng yêu cầu phát triển. Tuy nhiên, biến đổi khí hậu tiếp tục có nhiều ảnh hưởng bất lợi đến sản xuất nông nghiệp, giá cả các mặt hàng chủ lực của tỉnh sẽ còn tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Thu hút đầu tư có dấu hiệu chững lại; sự cạnh tranh gay gắt về nguồn lao động ở các khu công nghiệp.

## **II. Mục tiêu tổng quát**

Tiếp tục phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, tập trung thực hiện quyết liệt, thành công, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, các đề án, kết luận của Tỉnh ủy trên mọi lĩnh vực. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhằm đạt mục tiêu tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025 từ 9-10%. Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng. Triển khai thực hiện Chương trình phát triển văn hóa con người Bình Phước; thực hiện thực chất, hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững, các chương trình mục tiêu quốc gia; nâng cao đời sống vật chất tinh thần của các đối tượng chính sách, người có công với cách mạng; tăng cường công tác khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Xây dựng chính quyền kiến tạo, chính quyền số, tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; đảm bảo quốc phòng an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội và chủ động tăng cường hợp tác, hội nhập quốc tế.

## **III. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2025**

### **1. Các chỉ tiêu kinh tế**

1. Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) tăng 9% so với năm 2024.
2. Cơ cấu kinh tế: Nông lâm thủy sản chiếm 22,74%, công nghiệp xây dựng 47,46%, dịch vụ chiếm 29,80%.
3. GRDP bình quân đầu người đạt 123,18 triệu đồng, tăng 13,6% so với năm 2024.
4. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 44.500 tỷ đồng, tăng 15,6% so với năm 2024.
5. Kim ngạch xuất khẩu 5,1 tỷ USD, tăng 11,8% so với năm 2024.
6. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh 13.538 tỷ đồng.
7. Thu hút đầu tư trong nước 1.000 tỷ đồng; thu hút đầu tư nước ngoài (FDI) 400 triệu USD.
8. Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới 1.000 doanh nghiệp.
9. Số hợp tác xã đăng ký thành lập mới trong năm 25 hợp tác xã.

### **2. Các chỉ tiêu xã hội, môi trường**

10. Số hộ nghèo giảm trong năm là 621 hộ.
11. Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị duy trì dưới 3%.
12. Lao động được giải quyết việc làm trong năm 45.000 người, tăng 4,6% so với năm 2024.
13. Tỷ lệ lao động qua đào tạo 70%, tăng 3 điểm % so với năm 2024.

14. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia 70%, tăng 12,31 điểm % so với năm 2024.

15. Số giường bệnh trên vạn dân 32 giường.

16. Số bác sỹ trên vạn dân 10 bác sỹ.

17. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng duy trì ở mức dưới 10%.

18. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế là 95%, tăng 1 điểm % so với năm 2024.

19. Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội là 45%, tăng 3 điểm % so với năm 2024.

20. Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới là 100% (không bao gồm 02 xã nằm trong khu vực khoáng sản Bô xít).

21. Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, tăng 0,2 điểm % so với năm 2024.

22. Tỷ lệ che phủ rừng chung 71,7%, giảm 3,1 điểm % so với năm 2024.

#### **IV. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu**

##### **1. Tiếp tục triển khai Quy hoạch tỉnh và cơ cấu lại các ngành kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh**

Triển khai Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đảm bảo các hoạt động kinh tế - xã hội được thực hiện đồng bộ, hiệu quả, phù hợp với tầm nhìn phát triển đất nước, tinh thần Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; quy hoạch cấp quốc gia.

Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững, nông nghiệp xanh, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo chuỗi giá trị.

Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng các ngành chế biến, chế tạo và giảm tỷ trọng gia công, lắp ráp.

Thúc đẩy mở rộng ngành thương mại - dịch vụ, phát triển thương mại điện tử; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu. Tập trung phát triển một số ngành dịch vụ như du lịch, công nghệ thông tin, viễn thông, logistic, dịch vụ giáo dục đào tạo, dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, dịch vụ tài chính, ngân hàng, pháp lý.

##### **2. Đẩy mạnh phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, nhất là hệ thống hạ tầng giao thông kết nối liên vùng, hạ tầng đô thị, hạ tầng số**

Tập trung triển khai hiệu quả huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực, ưu tiên ngân sách cho phát triển hạ tầng trọng điểm; đẩy mạnh phát triển các dự án kết cấu hạ tầng theo phương thức đối tác công tư. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng công trình giao thông quan trọng mang tính đột phá của tỉnh trong năm 2025 như: Cao tốc Bắc Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước), Cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành đoạn qua



địa bàn tỉnh Bình Phước.

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh các quy hoạch đô thị, quy hoạch vùng huyện, quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung các xã; triển khai lập, điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị, đề xuất khu vực phát triển đô thị. Tiếp tục khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển nhà ở đáp ứng nhu cầu đa dạng của người dân; tạo quỹ đất phát triển dự án nhà ở xã hội.

Tiếp tục phát triển hạ tầng năng lượng, sẵn sàng phương án cung ứng, điều tiết nguồn điện để đảm bảo cung cấp điện phục vụ sản xuất, sinh hoạt trên địa bàn tỉnh. Phát triển hạ tầng số, hạ tầng nông nghiệp, ứng phó với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh việc phát triển du lịch gắn với các đô thị, khu sinh thái, du lịch văn hóa, cộng đồng. Phát triển các khu công nghiệp, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cụm công nghiệp theo quy hoạch tỉnh.

### **3. Thực hiện quyết liệt công tác thu - chi ngân sách; hoạt động ngân hàng và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công**

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thu ngân sách nhà nước; bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, mở rộng cơ sở thu và chống thất thu thuế. Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong chi ngân sách, thực hiện các thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất đảm bảo đúng quy định. Tổ chức điều hành chi ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, ưu tiên các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá, các công trình trọng điểm; triệt để tiết kiệm chi theo quy định, nhất là chi thường xuyên, nhiệm vụ chi chưa thật sự cấp bách.

Thực hiện các giải pháp tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, nâng cao chất lượng tín dụng. Tăng cường hơn nữa thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động tín dụng; kiểm soát rủi ro nợ xấu và giải pháp kịp thời xử lý nợ xấu của hệ thống tổ chức tín dụng.

Thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về đầu tư công. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án. Thực hiện tốt công tác chuẩn bị đầu tư, công tác GPMB để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công. Tập trung đầu tư hoàn thành dứt điểm các dự án, công trình đã được phê duyệt, đang triển khai dở dang.

### **4. Tiếp tục rà soát, xây dựng và hoàn thiện chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật; đẩy mạnh cải cách hành chính, cắt giảm thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh**

Tiếp tục hoàn thiện Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Bình Phước. Đồng thời, triển khai các nội dung công việc sau khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua Nghị quyết về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, gắn với cá thể hóa trách nhiệm người đứng đầu. Rà soát hoàn thành các nhiệm vụ Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác kiểm tra cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục thực hiện Nghị định số 29 của Chính phủ về tinh giản biên chế.

Tiếp tục rà soát, đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; thực hiện quyết liệt, hướng dẫn xử lý, tháo gỡ khó khăn vướng mắc theo thẩm quyền về pháp lý, về thủ tục hành chính, về tiếp cận đất đai, vốn và điều kiện kinh doanh để hỗ trợ doanh nghiệp, người dân. Tập trung triển khai các nhiệm vụ thực hiện chuyển đổi số; tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án 06/ĐA-CP. Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh PCI của tỉnh và chỉ số năng lực cạnh tranh DDCI của các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố.

**5. Thực hiện đồng bộ các chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với đẩy mạnh nghiên cứu phát triển ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, phong trào khởi nghiệp**

Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao trong các ngành công nghệ cao nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế. Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục; tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục đào tạo; đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập; bảo đảm công bằng, bình đẳng trong cơ hội tiếp cận giáo dục của người dân.

Tăng cường nguồn lực thực hiện Đề án tăng cường giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Tiếp tục tổ chức các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, phân luồng hiệu quả.

Thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ. Chú trọng đào tạo nhân lực các ngành, lĩnh vực trọng điểm, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật, công nghệ mới,... có tiềm năng, lợi thế, tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

**6. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo đảm gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội và nâng cao đời sống nhân dân**

Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035. Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 20/11/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Bình Phước đến năm 2030, định hướng đến năm 2045. Nâng cao chất lượng các loại hình văn hóa, văn học nghệ thuật; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch. Đẩy mạnh phát triển thể thao quần chúng, tập trung phát triển thể thao chuyên nghiệp, thể thao thành tích cao.

Tiếp tục phát triển nguồn nhân lực y tế cả về số lượng và chất lượng. Tiếp tục mở rộng, phê duyệt danh mục kỹ thuật, chuyển giao ứng dụng kỹ thuật cao trong công tác khám bệnh, chữa bệnh gắn với việc đảm bảo quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế và khám chữa bệnh cho đồng bào dân tộc thiểu số, các đối tượng chính sách; phát triển y học hiện đại gắn với y học cổ truyền.

Chú trọng công tác phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng

xã hội, tập trung nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của Nhân dân. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, phúc lợi xã hội, giảm nghèo bền vững, chính sách an sinh xã hội, chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới, chính sách dân tộc, tôn giáo; đẩy mạnh việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

### **7. Tăng cường công tác quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu**

Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường.

Xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch, chương trình hành động ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm phát thải, chuyển đổi năng lượng. Thực hiện nghiêm và nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường các dự án. Tiếp tục nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tài nguyên khoáng sản; hoàn thiện hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu đất đai. Bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập và ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước; chủ động xây dựng kế hoạch, phương án điều tiết, bảo đảm đủ nước cho sản xuất nông nghiệp.

### **8. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển; đẩy mạnh công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát văn bản theo quy định; xử lý văn bản trái pháp luật; chú trọng xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, đổi mới, đa dạng hóa hình thức tiếp cận pháp luật cho người dân.

Đẩy mạnh hơn nữa công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, lợi ích nhóm. Thực hiện nghiêm Quy định số 132 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về khiếu nại, tố cáo; theo dõi và báo cáo kịp thời những vụ việc mới phát sinh tại cơ sở, tránh phát sinh khiếu kiện đông người, vượt cấp.

### **9. củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc biên giới; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế**

Tiếp tục củng cố, tăng cường công tác quốc phòng, an ninh, khu vực phòng thủ vững chắc. Bảo đảm ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; tăng cường phòng chống các loại tội phạm; bảo đảm an toàn giao thông, phòng, chống cháy nổ. Thực hiện tốt chủ trương kết hợp chặt chẽ quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế xã hội trên từng địa bàn và tuyến biên giới.

Triển khai đồng bộ, hiệu quả các hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, góp phần thiết thực vào quảng bá mạnh mẽ hình ảnh

và tiềm năng, thế mạnh của Bình Phước để thu hút đầu tư và phát triển kinh tế xã hội của địa phương; từng bước nâng cao tầm vóc và vị thế của tỉnh với các đối tác trong và ngoài nước.

**10. Đẩy mạnh thông tin truyền thông và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị**

Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông theo hướng công khai, minh bạch, kịp thời và hiệu quả. Thông tin đầy đủ kịp thời về các vấn đề được dư luận, xã hội quan tâm. Tuyên truyền về Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV một cách đồng bộ, hiệu quả.

Nâng cao hiệu quả công tác dân vận chính quyền, thực hiện tốt nguyên tắc dân chủ cơ sở, phát huy hơn nữa vai trò của MTTQVN tỉnh và các đoàn thể góp phần tạo đồng thuận xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025.

Trên đây là báo cáo tóm tắt tình hình kinh tế - xã hội năm 2024 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét và quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Tuệ Hiền**



MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU KẾ HOẠCH NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 392 /BC-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Bình Phước)

| STT | Chỉ tiêu                                      | Đơn vị tính      | Thực hiện 2023 | Năm 2024 |                                 |                           |                               |                          | Dự kiến năm 2025 |                              |                                   | Kế hoạch 5 năm 2021-2025 |                                   |                       |
|-----|-----------------------------------------------|------------------|----------------|----------|---------------------------------|---------------------------|-------------------------------|--------------------------|------------------|------------------------------|-----------------------------------|--------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
|     |                                               |                  |                | Kế hoạch | Thực hiện 10 tháng đầu năm 2024 | Ước thực hiện cả năm 2024 | So với thực hiện năm 2023 (%) | So với kế hoạch 2024 (%) | Kế hoạch         | So với Kế hoạch năm 2024 (%) | So với ước thực hiện năm 2024 (%) | Mục tiêu                 | Ước thực hiện 5 năm/ đến năm 2025 | So với mục tiêu 5 năm |
| I   | Các chỉ tiêu kinh tế                          |                  |                |          |                                 |                           |                               |                          |                  |                              |                                   |                          |                                   |                       |
| 1   | Tốc độ tăng GRDP (Giá so sánh)                | %                | 11,80          | 8 - 8,5  | 9,27                            | 8,70                      | Giảm 3,1 điểm %               | Vượt                     | 9%               | Tăng 0,5 - 1 điểm %          | Tăng 0,3 điểm %                   | 9-10%                    | 9,4%                              | Đạt                   |
| 2   | Cơ cấu kinh tế VA (theo giá hiện hành)        | %                | 100,0          | 100      |                                 | 100                       |                               |                          | 100              |                              |                                   | 100,0                    |                                   |                       |
|     | - Nông, lâm nghiệp và thủy sản                | %                | 24,09          | 23,4     | Đánh giá theo năm               | 22,98                     | Chuyển dịch giảm 1,11%        | Đạt                      | 22,74            | Chuyển dịch giảm 0,66%       | Chuyển dịch giảm 0,24%            | 15-17%                   | 22,74                             | Đạt                   |
|     | - Công nghiệp và xây dựng                     | %                | 43,86          | 43,77    |                                 | 45,96                     | Chuyển dịch tăng 2,10%        |                          | 47,46            | Chuyển dịch tăng 3,69%       | Chuyển dịch tăng 1,50%            | 46-48%                   | 47,46                             |                       |
|     | - Dịch vụ                                     | %                | 32,05          | 32,83    |                                 | 31,06                     | Chuyển dịch giảm 0,99%        |                          | 29,80            | Chuyển dịch giảm 3,03%       | Chuyển dịch giảm 1,26%            | 36-38%                   | 29,80                             |                       |
| 3   | GRDP bình quân đầu người                      | Triệu đồng/người | 95,57          | 100      | Đánh giá theo năm               | 108,40                    | 113,42                        | Vượt                     | 123,18           | 123,18                       | 113,63                            | 100,00                   | 121,58                            | Vượt                  |
| 4   | Tổng vốn đầu tư toàn xã hội                   | Tỷ đồng          | 33.459         | 38.500   | 25.596                          | 38.500                    | 115,07                        | Đạt                      | 44.500           | 115,58                       | 115,58                            | 185.000                  | 173.654                           | Không đạt             |
| 5   | Tổng kim ngạch xuất khẩu                      | Triệu USD        | 4.180          | 4.560    | 4.230                           | 4.600                     | 110,05                        | Vượt                     | 5.100            | 111,84                       | 110,87                            | 5.000                    | 5.100                             | Vượt                  |
| 6   | Thu ngân sách địa phương (thu nội địa và XNK) | Tỷ đồng          | 12.259         | 12.739,6 | 8.168                           | 10.218                    | 83,35                         | Không đạt                | 13.538           | 106,3                        | 132,5                             | 18.000                   | 13.538                            | Không đạt             |
| 7   | Thu hút đầu tư                                |                  |                |          |                                 |                           |                               |                          |                  |                              |                                   |                          |                                   |                       |
| -   | Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài           | Triệu USD        | 824,09         | 400      | 195,070                         | 500                       | 60,67                         |                          | 400              | 100                          | 80,00                             | 2.750                    | 2.393                             | Không đạt             |
| -   | Thu hút đầu tư trong nước                     | Tỷ đồng          | 6.392          | 7.000    | 245                             | 3.900                     | 61,01                         | Không đạt                | 1.000            | 14,29                        | 25,64                             | 60.000                   | 34.321                            |                       |
| 8   | Số doanh nghiệp thành lập mới trong năm       | DN               | 1.064          | 1.100    | 968                             | 1.100                     | 103,38                        | Đạt                      | 1.000            | 90,91                        | 90,91                             | 6.000                    | 5.398                             | Không đạt             |

| STT       | Chỉ tiêu                                              | Đơn vị tính | Thực hiện 2023 | <div>Năm 2024</div> |                                 |                           |                               |                          | Dự kiến năm 2025 |                              |                                   | Kế hoạch 5 năm 2021-2025 |                                   |                       |
|-----------|-------------------------------------------------------|-------------|----------------|---------------------|---------------------------------|---------------------------|-------------------------------|--------------------------|------------------|------------------------------|-----------------------------------|--------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
|           |                                                       |             |                | Kế hoạch            | Thực hiện 10 tháng đầu năm 2024 | Ước thực hiện cả năm 2024 | So với thực hiện năm 2023 (%) | So với kế hoạch 2024 (%) | Kế hoạch         | So với Kế hoạch năm 2024 (%) | So với ước thực hiện năm 2024 (%) | Mục tiêu                 | Ước thực hiện 5 năm/ đến năm 2025 | So với mục tiêu 5 năm |
| 9         | Số hợp tác xã thành lập mới trong năm                 | HTX         | 30             | 30                  | 27                              | 30                        | 100,00                        | Đạt                      | 25               | 83,33                        | 83,33                             | 150                      | 155                               | Vượt                  |
| <b>II</b> | <b>Chỉ tiêu xã hội - môi trường</b>                   |             |                |                     |                                 |                           |                               |                          |                  |                              |                                   |                          |                                   |                       |
| 10        | Số hộ nghèo giảm trong năm                            | Hộ          | 2.491          | 500                 | Đánh giá theo năm               | 500                       | 20,07                         | Đạt                      | 621              | 124,20                       | 124,20                            | 2.000-2.500 hộ/năm       | Tinh cơ bản hết hộ nghèo          | Đạt                   |
| 11        | Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị                   | %           | <3             | <3                  | <3                              | <3                        | Duy trì                       | Đạt                      | <3               | Duy trì                      | Duy trì                           | <3                       | <3                                | Đạt                   |
| 12        | Lao động được giải quyết việc làm                     | Người       | 46.598         | 43.000              | 45.093                          | 46.000                    | 98,72                         | Vượt                     | 45.000           | 104,65                       | 97,83                             | 200.000                  | 224.495                           | Vượt                  |
| 13        | Tỷ lệ lao động qua đào tạo                            | %           | 65             | 67                  | 65,8                            | 67                        | Tăng 2 điểm %                 | Đạt                      | 70               | Tăng 3 điểm %                | Tăng 3 điểm %                     | 70                       | 70                                | Đạt                   |
| 14        | Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia                       | %           | 45,1           | 57,69               | 53,07                           | 57,69                     | Tăng 12,74 điểm %             | Đạt                      | 70               | Tăng 12,31 điểm %            | Tăng 12,16 điểm %                 | 70                       | 70                                | Đạt                   |
| 15        | Số giường bệnh/vạn dân                                | Giường      | 28,5           | 28,6                | 28,6                            | 28,6                      | 100,35                        | Đạt                      | 32               | 111,89                       | 111,89                            | 32                       | 32                                | Đạt                   |
| 16        | Số bác sỹ/vạn dân                                     | Bác sỹ      | 8,6            | 8,9                 | 9,7                             | 9,7                       | 112,79                        | Vượt                     | 10               | 112,36                       | 103,09                            | 10                       | 10                                | Đạt                   |
| 17        | Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng               | %           | 10             | 10                  | Đánh giá theo năm               | 10                        | 100                           | Đạt                      | 10               | Duy trì                      | Duy trì                           | 10                       | 10                                | Đạt                   |
| 18        | Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế                   | %           | 93             | 94                  | 90,6                            | 94                        | Tăng 1 điểm %                 | Đạt                      | 95               | Tăng 1 điểm %                | Tăng 1 điểm %                     | 95                       | 95                                | Đạt                   |
| 19        | Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội | %           | 38             | 42                  | 38                              | 42                        | Tăng 4,47%                    | Đạt                      | 45               | Tăng 3%                      | Tăng 3%                           | 45                       | 45                                | Đạt                   |
| 20        | Số xã đạt chuẩn nông thôn mới tăng thêm trong năm     | Xã          | 0              | 5                   | Đánh giá theo năm               | 0                         |                               | Không đạt                | 1                | 20,00                        | 0,00                              | 100%                     | 100%                              | Đạt                   |
| 21        | Tỷ lệ dân số nông thôn dùng nước hợp vệ sinh          | %           | 99,2           | 99,6                | 99,6                            | 99,6                      | Tăng 0,4%                     | Đạt                      | 100              | Tăng 0,4%                    | Tăng 0,4%                         | 100                      | 100,0                             | Đạt                   |
| 22        | Tỷ lệ che phủ rừng chung                              | %           | 75,49          | 74,8                | 74,8                            | 74,8                      | Giảm 0,7 điểm %               | Đạt                      | 71,7             | Giảm 3,1%                    | Giảm 3,1%                         | 76,7                     | 71,7                              | Không đạt             |